

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 230/2019/DS-ST

Ngày: 16- 8- 2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Võ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1955, cư trú ấp Th 2, thị trấn Phú M, Phú T, An Giang.

- Bị đơn: Lê Trung K, sinh năm 1966, cư trú ấp Hưng Mỹ, xã Phú H, Phú T, tỉnh An Giang.

Bà Bé B có mặt, ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (bút lục số 04), bản tự khai (bút lục số 18) và biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (bút lục số 17) thì bà Nguyễn Thị Bé B khai: Ông Lê Trung K có vay của bà số tiền sau đây:

- Ngày 16 tháng 7 năm 2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng có biên nhận do ông K viết và ký tên.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng có biên nhận do ông K viết và ký tên.

Tổng 02 lần vay là 40.000.000đ. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2017 thì ngưng đến nay. Hiện nay vẫn còn thiếu tiền vốn 40.000.000đ và tiền lãi từ tháng 10 năm 2017.

Theo biên bản lấy lời khai (bút lục số 19) và biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (bút lục số 17) thì ông Lê Trung K khai: Ông có vay của bà Bé B số tiền sau đây:

- Ngày 16 tháng 7 năm 2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng có biên nhận do ông viết và ký tên.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng có biên nhận do ông viết và ký tên.

Tổng 02 lần vay là 40.000.000đ. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2017 thì ngưng đến nay. Hiện nay vẫn còn thiếu tiền vốn 40.000.000đ và tiền lãi từ tháng 10 năm 2017.

Bà Bé B yêu cầu: Ông K phải trả dứt điểm số tiền vốn 40.000.000đ, và tiền lãi theo pháp luật quy định từ khi ngưng đến nay.

Ông K yêu cầu: Do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu mỗi năm trả 5.000.000đ đến khi dứt số tiền vốn 40.000.000đ tiền lãi từ khi ngưng đến nay yêu cầu xin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về hình thức thủ tục tố tụng:

- Ông K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

{2} Về nội dung:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Bé B với ông K phát sinh từ hợp đồng dân sự- vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Giữa đôi bên đã thống nhất ông K vay tiền của bà Bé B như sau

- Ngày 16 tháng 7 năm 2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng có biên nhận do ông K viết và ký tên.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng có biên nhận do ông K viết và ký tên.

Tổng 02 lần vay là 40.000.000đ. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2017 thì ngưng đến nay, hiện nay vẫn còn thiếu tiền vốn 40.000.000đ và tiền lãi từ tháng 10 năm 2017. Bà Bé B yêu cầu ông K trả số tiền trên là hoàn toàn có cơ sở nghi nên chấp nhận và buộc ông K phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Riêng số tiền lãi đã trả theo thỏa thuận cũng phải điều chỉnh lại cho phù hợp tại khoản 4, Mục I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19-6-1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ tài chính và số tiền lãi từ khi ngưng trả đến nay được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể như sau:

- Vay lần thứ nhất vào ngày 16-7-2017, số tiền vay 20.000.000đ, đến ngày xét xử (ngày 16 tháng 8 năm 2019) là 25 tháng 01 ngày. Số tiền lãi 8.341.000đ ($20.000.000đ \times 25 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} \times 20\% / \text{ năm}$).

- Vay lần thứ hai vào ngày 27 tháng 7 năm 2017, số tiền vay 20.000.000đ đến ngày xét xử (ngày 16 tháng 8 năm 2019) là 24 tháng 19 ngày. Số tiền lãi 8.208.000đ ($20.000.000đ \times 24 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} \times 20\% / \text{ năm}$).

- Tổng số tiền lãi theo pháp luật phải trả của 02 lần vay trên đây là 16.549.000đ ($8.341.000đ + 8.208.000đ$) khấu trừ vào số tiền lãi đã trả 3.600.000đ ($40.000.000đ \times 3\% / \text{ tháng} \times 03 \text{ tháng}$), số tiền lãi còn lại phải tiếp tục trả 12.949.000đ ($16.549.000đ - 3.600.000đ$).

- Tổng số tiền vốn và lãi phải trả 52.949.000đ ($40.000.000đ + 12.949.000đ$).

{3}. Về án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của bà Bé B được chấp nhận, vì vậy ông K phải chịu án dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 2.647.000đ.

{4}- Phát biểu ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đối với ông K đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Về nội dung, bà Bé B yêu cầu ông K trả số tiền vay và tiền lãi là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 463 Khoản 1, Điều 466; khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 4, Mục I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19-6-1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tài chính, Bộ tư pháp;

Tuyên xử:

- Buộc ông Lê Trung K phải trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 52.949.000đ (Năm mươi hai triệu, chính trăm bốn mươi chính ngàn đồng chẵn).
- Về án phí DSST: Ông Lê Trung K phải chịu 2.647.000đ (Hai triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Bé B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông K được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

Nguyễn Thành Dũng